

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2019
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày **07** tháng **3** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2019/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Minh T, sinh năm: 1979
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung T, sinh năm: 1969

Cùng cư trú: tổ 14, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang

Các đương sự có mặt phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Phạm Minh T trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông T là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 1997, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 02/6/2008 tại UBND xã P, thị xã T. Sau khi kết hôn sống tại ấp V, xã V, hai vợ chồng làm thuê, thu nhập bấp bênh nên vào năm 2015 cùng bàn nhau lên TP. B làm công nhân kiếm sống và mâu thuẫn vợ chồng cũng bắt đầu từ đây. Nguyên nhân là do ông T uống rượu nhiều lần đánh bà, được

khuyến ngăn nhưng ông không thay đổi, thậm chí ông dùng dao uy hiếp khiến bà T rất hoảng loạn. Nay nhận thấy không thể nào tiếp tục chung sống với ông T được nữa nên bà quyết định ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Lam T, sinh năm 1999 trưởng thành không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Thanh S, sinh ngày 25/4/2003, hiện sống chung với gia đình. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Trung T trình bày: Về điều kiện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ông đồng ý với lời trình bày của bà T. Ông thừa nhận có ra tay đánh bà Th nhưng nguyên nhân là do ông nhiều lần thấy được bà T có quan hệ tình cảm với người khác khuyến giải không được, do tức giận nên mới đánh. Còn yêu cầu ly hôn với bà T thì ông không đồng ý vì còn thương vợ và xin được hàn gắn.

Về quan hệ con chung: Đồng ý với lời trình bày của bà T.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông và bà T không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay các bên bảo lưu ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà T xin ly hôn với ông T. Ông T hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông T có đăng ký kết hôn tại xã P, thị xã T, tỉnh An Giang vào năm 2008 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà T xin được ly hôn với ông T, HĐXX xét thấy:

Bà T và ông T có thời gian dài chung sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân được bà T trình bày là do ông T uống rượu và đánh nhiều lần. Thậm chí, khi có người can ngăn nhưng ông vẫn đánh và dùng dao uy hiếp khiến bà hoảng loạn, việc này được ông T thừa nhận và cho rằng bà T có tình cảm với người khác nhưng không cung cấp được chứng cứ. Qua nhiều lần được người thân và Tòa án hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn với ông T.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó yêu cầu ly hôn của bà T là chính đáng và hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Bà và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Lam T, sinh năm 1999 trưởng thành không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Thanh S, sinh ngày 25/4/2003, hiện sống chung với gia đình. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu S nên HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

Theo quy định, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng, HĐXX công nhận tự nguyện của bà T.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà T biết: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con bà phải có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông T đến thăm con chung, không ai cản trở ông T thực hiện quyền này.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề cập xem xét để giải quyết

Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56, điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Trung T.

Về quan hệ con chung: Bà T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 25/4/2003. Công nhận tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và những người thân trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T đến thăm con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Về án phí: Bà Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 00092370011021 ngày 08/01/2019).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/3/2019) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKS huyện;
- TAT An Giang;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng